# **CSS Layout**

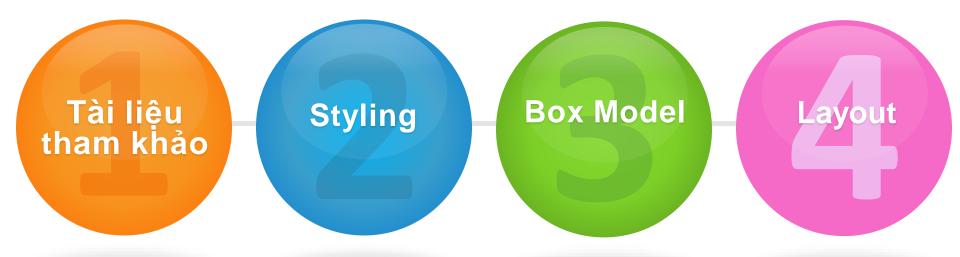
ThS. Trần Thị Bích Hạnh





# Nội dung





CSS Layout -







# TÀI LIỆU THAM KHẢO

CSS

**CSS Layout** 



### Tài liệu tham khảo



- W3C CSS Training
  - http://www.w3.org/wiki/CSS/Trainin
- Learn Layout
  - http://learnlayout.com
- Andy Budd, CSS Mastery, Advanced Web Standard Solutions, Second Edition, 2009
- CSS Cheat Sheet







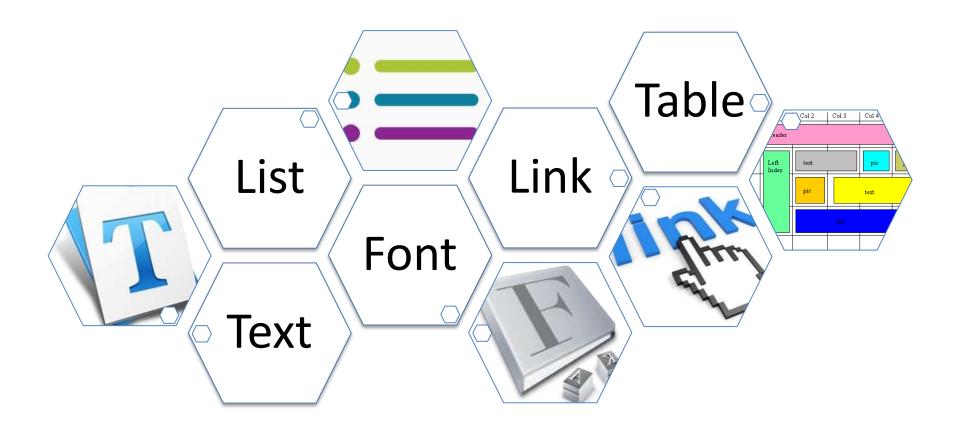


**CSS** Layout



# Styling







### **CSS Text**





### **Text**

- color
- text-align
- text-decoration
- text-indent



### CSS Text – color



- Chỉ định màu chữ cho nội dung văn bản
- □ Cú pháp

```
color: color keywords | color values

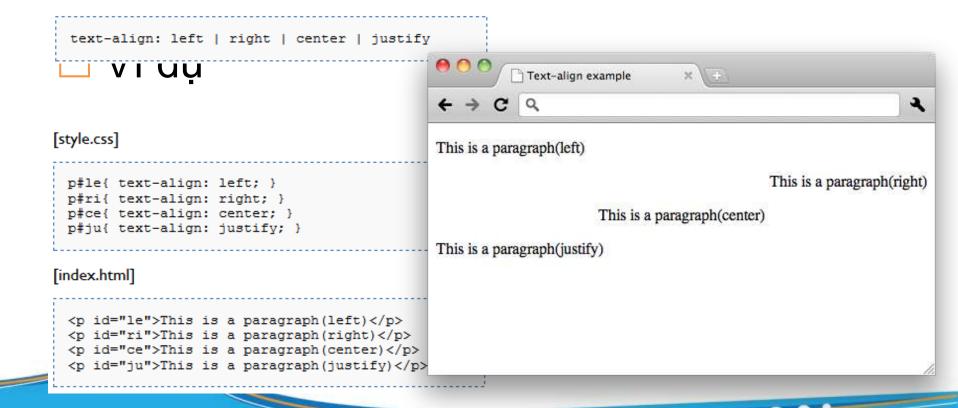
| Color values | Color example | Color
```



# CSS Text – text-align



- Canh lè cho nội dung văn bản
- □ Cú pháp



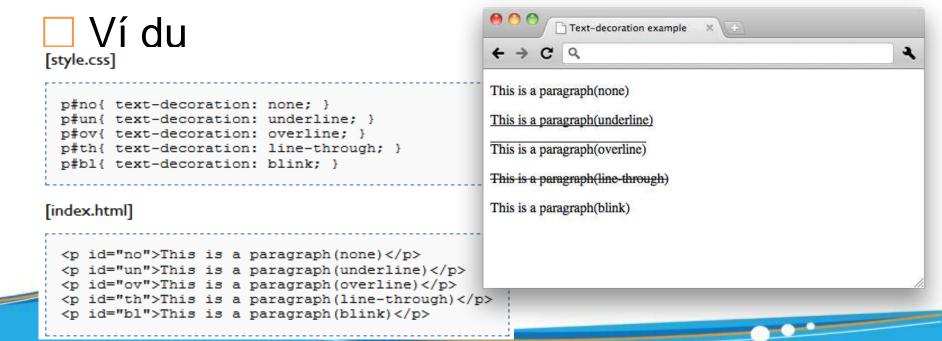


# CSS Text - text-decoration



- Chỉ định vị trí đường kẻ hiến thị cùng văn bản
- □ Cú pháp

```
text-decoration: none | underline | overline | line-through | blink
```

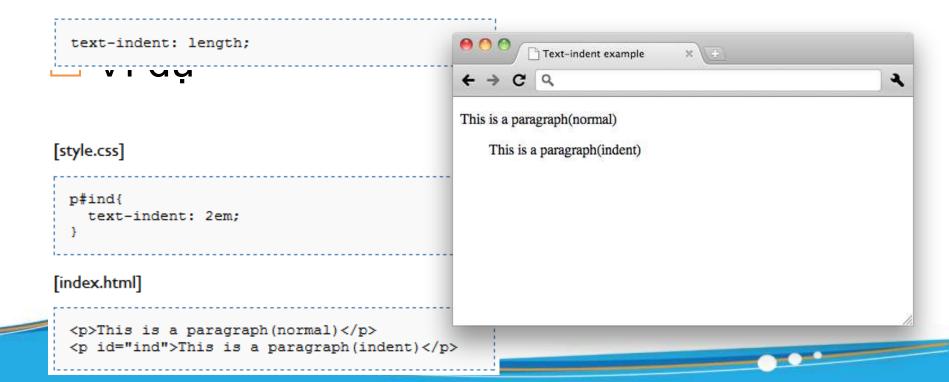




### CSS Text – text-indent



- Chỉ định độ lệch vào của dòng đầu tiên trong đoạn văn bản
- ☐ Cú pháp





### **CSS Font**





### **Font**

- font-size
- font-family
- font-style
- font-weight



### CSS Font – font-size



- Chỉ định kích thước chữ
- □ Cú pháp

```
p{
  font-size: <absolute-size> | <relative-size> | <length> | <percentage>;
}
```

- absolute-size: [xx-small | x-small | small | medium | large | x-large | xx-large]
- relative-size: [larger | smaller]



# CSS Font – font-size (tt)



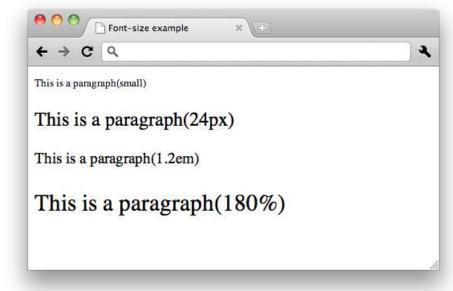
### □ Ví dụ

#### [style.css]

```
p#ab{ font-size: small; }
p#px{ font-size: 24px; }
p#em{ font-size: 1.2em; }
p#per{ font-size: 180%; }
```

#### [index.html]

```
This is a paragraph(small)
This is a paragraph(24px)
This is a paragraph(1.2em)
This is a paragraph(1.80%)
```





# CSS Font – font-family



- Chỉ định loại font chữ
- Cú pháp

```
p{
   font-family: <family-name> | <generic-family>;
}
```

- ☐ family-name: "Arial", "Time New Roman"...
- generic-family: [ serif | sans-serif | cursive | fantasy | monospace ]



# CSS Font – font-family (tt)



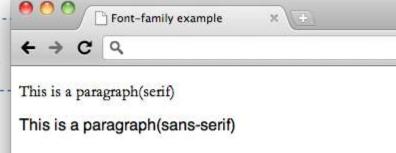
### □ Ví dụ

#### [style.css]

```
p#se{ font-family: "Time New Roman", Garamond, serif; }
p#sa{ font-family: Helvetica, "MS Verdana", sans-serif; }
```

#### [index.html]

```
This is a paragraph(serif)
This is a paragraph(sans-serif)
```





# CSS Font – font-style



- Chỉ định kiểu chữ
- Cú pháp

```
font-style: normal | italic | oblique;
```

□ Ví dụ [style.css]

```
p#no{ font-style: normal; }
p#i{ font-style: italic; }
p#ob{ font-style: oblique; }
```

[index.html]

```
This is a paragraph(normal)
This is a paragraph(italic)
This is a paragraph(oblique)
```

This is a paragraph(normal)

Font-style example

This is a paragraph(italic)

This is a paragraph(oblique)



# CSS Font – font-weight



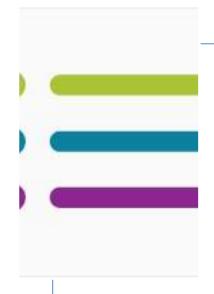
- Chỉ định độ đậm của chữ
- □ Cú pháp

```
p{
   font-weight: normal |bold | bolder | lighter | 100 | 200 | 300 | 400 | 500 | 600 | 700 | 800 | 900
}
```



### **CSS List**





# List

- list-style-type
- list-style-image



# CSS List – list-style-type



- Chỉ định dấu hiệu hiển thị trước từng mục trong danh sách
- Cú pháp: list-style-type: value;
  - Danh sách không thứ tự
    - disc
    - circle
    - square
  - Danh sách có thứ tự
    - dicimal: 1, 2, 3, ...
    - decimal-leading-zero: 01, 02, 03, ...
    - lower-roman: i, ii, iii, ...
    - upper-roman: I, II, III, ...
    - lower-greek: α, β, γ, ...
    - lower-latin: a, b, c, ...
    - upper-latin: A, B, C, ...
    - armenian: 1, 2, 3, ...



# CSS List – list-style-type (tt)



### □ Ví dụ

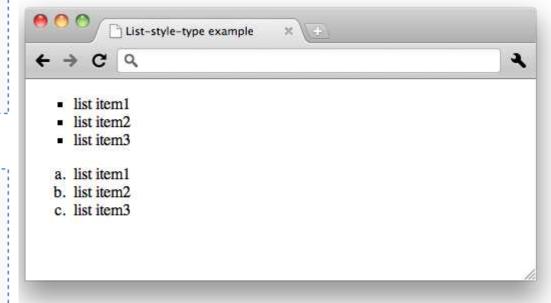
#### [style.css]

```
ul{
   list-style-type: square;
}
ol{
   list-style-type: lower-alpha;
}
```

#### [index.html]

```
    list item1
    list item2
    list item3

    list item1
    list item2
    list item3
    list item3
```





# CSS List – list-style-image



- Chỉ định hình ảnh hiển thị trước từng mục trong danh sách
- Cú pháp: list-style-image: <uri> | none;
- □ Ví dụ

#### [style.css]

```
ul{
    list-style-image: url(images/list.gif);
}

[index.html]

        list item1
        list item2
        list item3

        list item3
```

```
List-style-image example *

C Q

list item1
list item2
list item3
```



### **CSS Link**





### Link

- a:link
- a:visited
- a:hover
- a:active



### **CSS Link**



- Định dạng dựa trên trạng thái của Link
- Cú pháp:

```
a:link { attribute:value; }
a:visited { attribute:value; }
a:hover { attribute:value; }
a:active { attribute:value; }
```

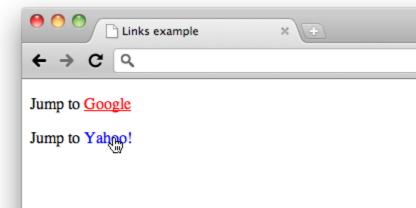
□ Ví dụ

```
[style.css]

a:link, a:visited{
    color: #ff0000;
    text-decoration: underline;
}
a:hover, a:active{
    color: #0000ff;
    text-decoration: none;
}

[index.html]

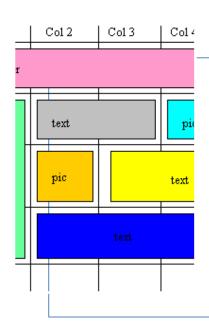
Jump to <a href="http://www.google.com/">Google</a>
Jump to <a href="http://www.yahoo.com/">Yahoo!</a>
```





### **CSS Table**





### Table

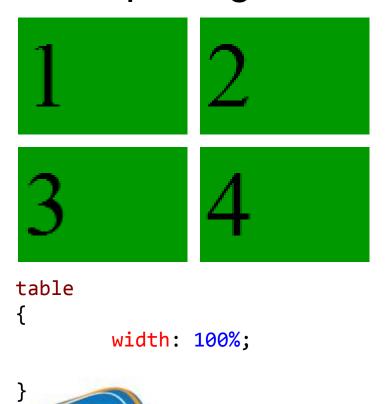
- border-spacing
- border-collapse
- text-align
- vertical-align



# CSS Table – border-spacing



Dùng border-spacing để thay thế cellspacing



```
table
        width: 100%;
        border-spacing: 0px;
```

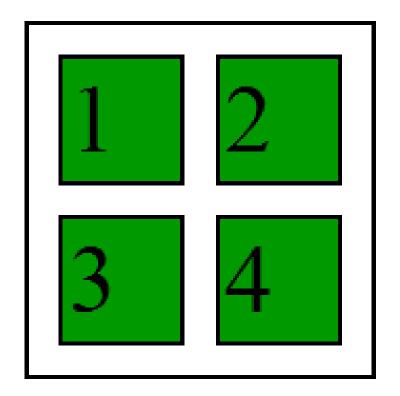


# CSS Table Border-collapse



### ☐ Kiểu kẻ biên separate

```
table
{
    width: 100%;
    border:1px solid Black;
    border-collapse:separate;
    border-spacing:5px;
}
td
{
    background-color: #009900;
    border:1px solid Black;
}
```



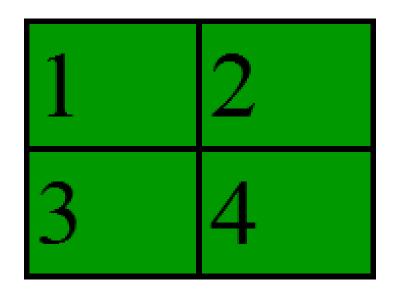


## CSS Table Border-collapse



# ☐ Kiểu kẻ biên collapse

```
table
{
    width: 100%;
    border:1px solid Black;
    border-collapse:collapse;
    border-spacing:5px;
}
td
{
    background-color: #009900;
    border:1px solid Black;
}
```



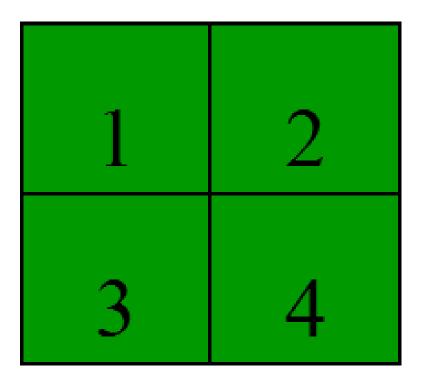


### CSS Table canh chữ



- Canh ngang: text-align
- Canh doc: vertical-align

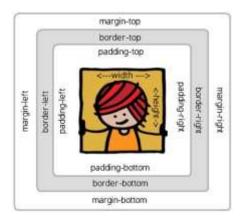
```
td
{
    background-color: #009900;
    border:1px solid Black;
    text-align:center;
    vertical-align:bottom;
    height:30px;
}
```







BOX MODEL CSS

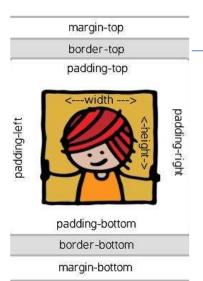


**CSS Layout** 



### **CSS Box Model**





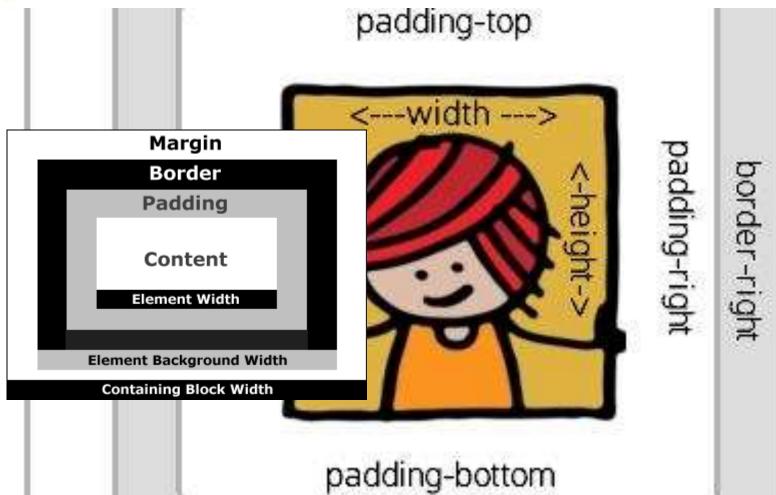
#### **Box Model**

- width, height
- padding, margin
- background
- border



### **CSS Box Model**





margin-right

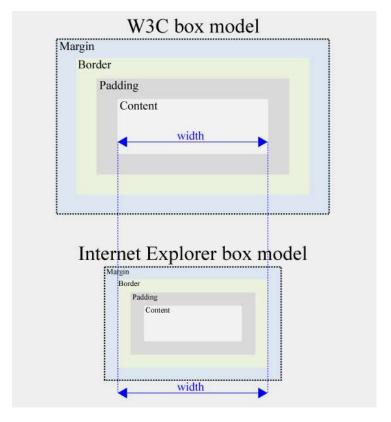


# Box Model – width & height



- Chỉ định chiều rộng và cao của phần content
- □ Cú pháp

```
width: <length> | <percentage> | auto;
height: <length> | <percentage> | auto;
```

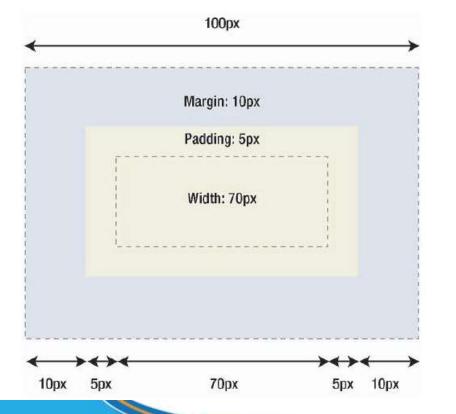


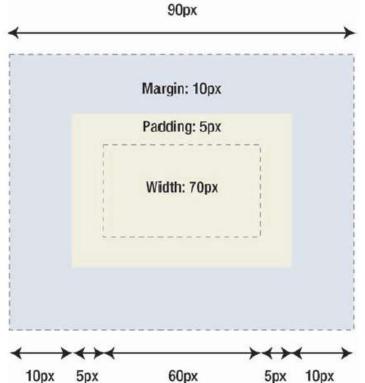


### Box Model – Standard vs. IE6



```
#myBox {
  margin: 10px;
  padding: 5px;
  width: 70px;
}
```





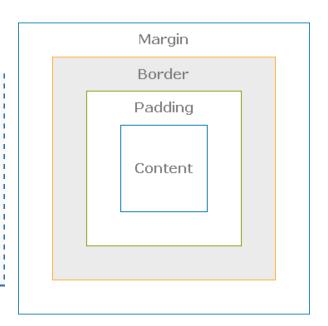


# Box Model - padding



- Chỉ định độ rộng của vùng padding
- □ Cú pháp

```
padding-top: <length> | <percentage>
padding-right: <length> | <percentage>
padding-bottom: <length> | <percentage>
padding-left: <length> | <percentage>
padding: <top&bottom> <right&left>
padding: <top> <right&left> <bottom>
padding: <top> <right&left> <bottom>
```





# Box Model – padding (tt)

This is a paragraph

Padding example

This is a parapraph with padding



### □ Ví dụ

#### [style.css]

```
p{
  width: 300px;
  height: 100px;
  background-color: red;
}
p#pad{
  padding: 10px 20px;
}
```

#### -----

#### [index.html]

```
This is a paragraph
This is a parapraph with padding
```

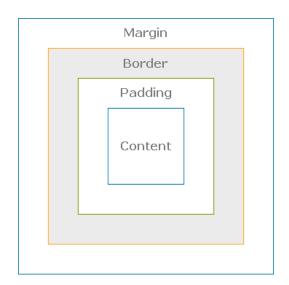


### Box Model – margin



- Chỉ định độ rộng của vùng margin
- □ Cú pháp

```
margin-top: <length> | <percentage>
margin-right: <length> | <percentage>
margin-bottom: <length> | <percentage>
margin-left: <length> | <percentage>
margin: <top&bottom> <right&left>
margin: <top> <right&left> <bottom>
margin: <top> <right&left> <bottom> <left>
```





### Box Model – margin (tt)



### □ Ví dụ

#### [style.css]

```
p{
  width: 300px;
  height: 100px;
  background-color: red;
}
p#mar{
  margin-top: 10px;
  margin-bottom: 10px;
  margin-left: 20px;
  margin-right: 20px;
}
```

```
Margin example
← → C <</p>
This is a paragraph
  This is a parapraph with margin
```

```
This is a paragraph
This is a parapraph with margin
```



### Box Model – background-color



- Chỉ định màu nền
- □ Cú pháp

```
background-color: <color>
```

□ Ví dụ

#### [style.css]

```
body{
  background-color: red;
}
```

```
<body>
This is a paragraph
</body>
```

```
Background-color example × → C Q

This is a paragraph
```



## Box Model – background-image



- Chỉ định hình nền
- □ Cú pháp

```
Ví du background-image: <uri> | none
```

#### [style.css]

```
body{
  background-image: url(images/logo.png);
}
```

```
<br/>
This is a paragraph
</body>
```

← → C Q	e example ×		
<b>W3</b> C	W3C	<b>W3</b> C	<b>W3</b> C
<b>W3</b> C	<b>W3</b> C	<b>W3</b> C	<b>W3</b> C
<b>W3</b> C	<b>W3</b> C	W3C	<b>W3</b> C
<b>W3</b> C	<b>W3</b> C	<b>W3</b> C	<b>W3</b> C
<b>W3</b> C	<b>W3</b> C	<b>W3</b> C	<b>W3</b> C
<b>W3</b> C	<b>W3</b> C	<b>W3</b> C	W3C



## Box Model – background-repeat



- Chỉ định cách thức hình nền được lặp lại
- □ Cú pháp

```
background-repeat: repeat | repeat-x | repeat-y | no-repeat
```

#### [style.css]

```
body{
  background-image: url(images/logo.png);
  background-repeat: repeat-x;
}
```

```
<body>
This is a paragraph
</body>
```





### Box Model – border-style



- Chỉ định kiểu đường viền
- □ Cú pháp

border-style: none | hidden | dotted | dashed | solid | double | groove | ridge | inset | outset

none	groove
dotted	ridge
dashed	inset
solid	outset
double	



### Box Model – border-color



- Chỉ định màu đường viền
- □ Cú pháp

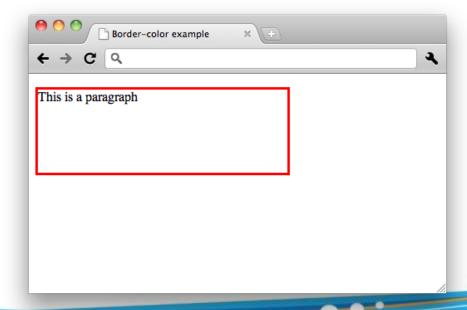
```
Ví border-color: <color> | transparent
```

#### [style.css]

```
p{
width: 300px;
height: 100px;
border-style: solid;
border-color: red;
}
```

#### [index.html]

This is a paragraph





### Box Model – border-width



- Chỉ định độ rộng của đường viền
- □ Cú pháp

```
| border-width: thin | medium | thick | <length>
| color="width: thin; | medium | thick | <length>
| color="width: | medium | thick | <length>
| color="width: | medium | thick | 
| color="width: thin; | medium | thick | this is a paragraph(thin) | medium | thick | this is a paragraph(thin) | this is a paragraph | thin | thick | this is a paragraph | thin | thick | this is a paragraph | thin | this is a paragraph | thin | thick | this is a paragraph | thin | this is a paragraph | this is a paragra
```

This is a paragraph(thick)

Border-width example

Border-width example

Border-width example

Border-width example

This is a paragraph(thin)

This is a paragraph(medium)

This is a paragraph(medium)





LAYOUT CSS

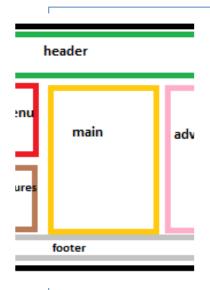


**CSS** Layout



## **CSS Layout**





### **CSS Layout**

- display
- margin:auto
- max-width & min-height
- position
- float
- clear
- overflow:auto



# CSS Layout – display



- Chỉ định cách thức hiến thị của nội dung
- □ Cú pháp

```
display: block | inline | none;
```

□ Ví dụ

#### block

```
<div>
Block element

</div>
```

#### inline

Inline element is <span> like this. </span> Can you see the difference?



# Phân biệt Display và Visibility



- ☐ Ẩn một phần tử
  - display: none

Đại học tự nhiên

visibility: hidden

```
    Dai hoc <span style="visibility: hidden">Khoa hoc</span> <span>tự nhiên</span>
```

Đại học

tự nhiên

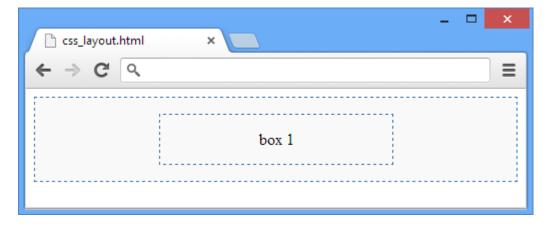


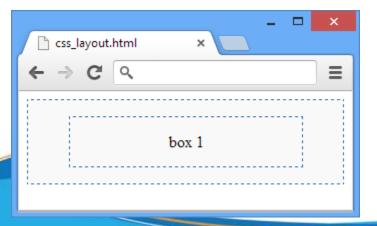
## CSS Layout – margin:auto

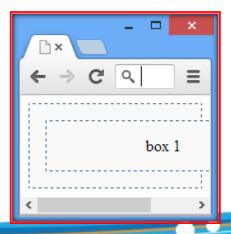


- Tự động canh vùng nội dung ở giữa đối tượng chứa nó
- □ Ví dụ

```
#box1 {
    width: 100px;
    margin: 0 auto;
}
```









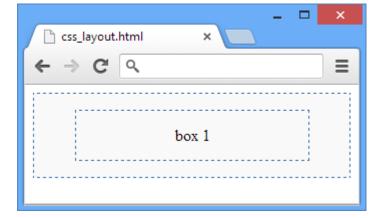
# CSS Layout – max-width & minheight



Thiết lập độ rộng tối đa hoặc chiều cao tối thiểu của vùng nội dung

□ Ví dụ

```
#box1 {
    max-width: 200px;
    margin: 0 auto;
}
```







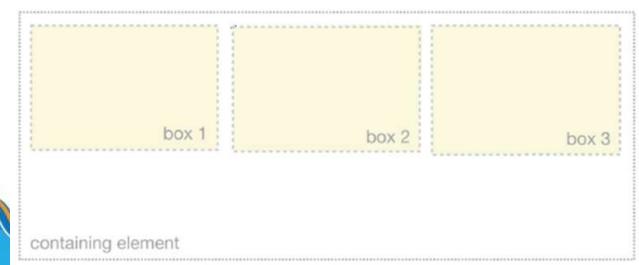
## **CSS Layout - position**



- Chỉ định vị trí hiển thị của vùng nội dung
- □ Cú pháp

```
position: static | relative | fixed | absolute;
```

□ Ví dụ





# Layout - position



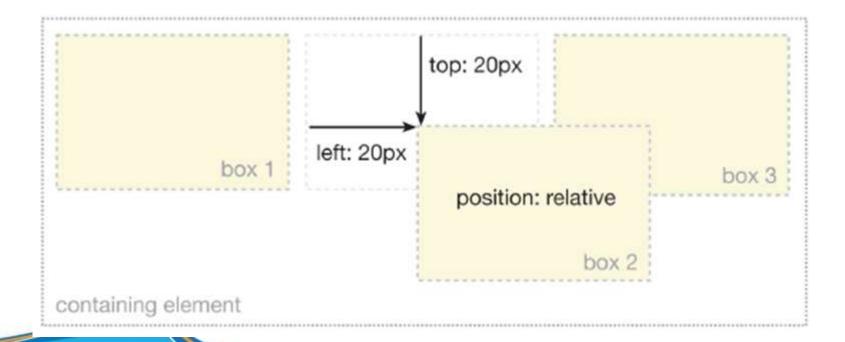
position	Chiếm chỗ	Ý nghĩa	
static	$\checkmark$	Giá trị mặc định không ảnh hưởng bởi top, bottom, left, right	
fixed	×	Cố định vị trí theo trình duyệt, không thay đổi vị trí khi kéo thanh trượt của trình duyệt	
relative	<b>√</b>	Tọa độ của phần tử được tính theo vị trí đứng bình thường của phần tử	
absolute	*	Khi không đặt vị trí của phần tử, phần tử sẽ ở vị trí đứng bình thường và cho phép phần tử khác chiếm chỗ. Tọa độ của phần tử (nếu có) được tính theo phần tử cha đầu tiên có position khác static.	



### CSS Layout – position:relative



```
#box2 {
    position: relative;
    top: 20px;
    left: 20px;
}
```

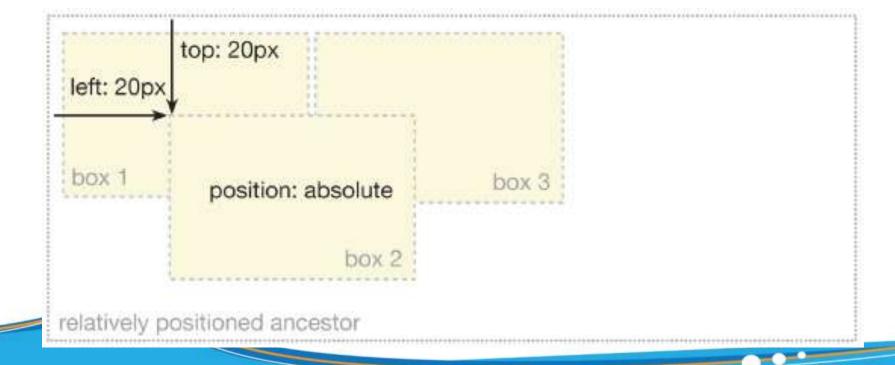




## CSS Layout – position:absolute



```
#box2 {
    position: absolute;
    top: 20px;
    left: 20px;
}
```

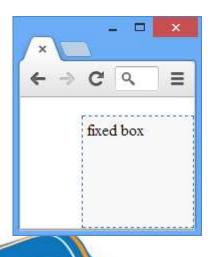


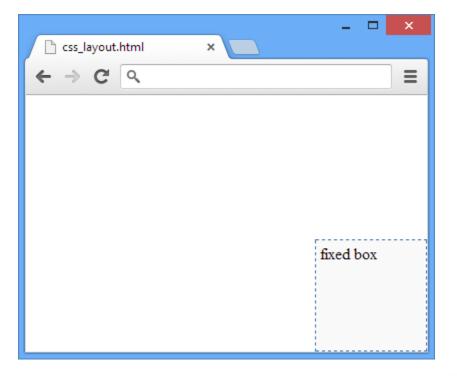


## CSS Layout – position:fixed



```
#fixed {
    position: fixed;
    bottom: 0;
    right: 0;
}
```





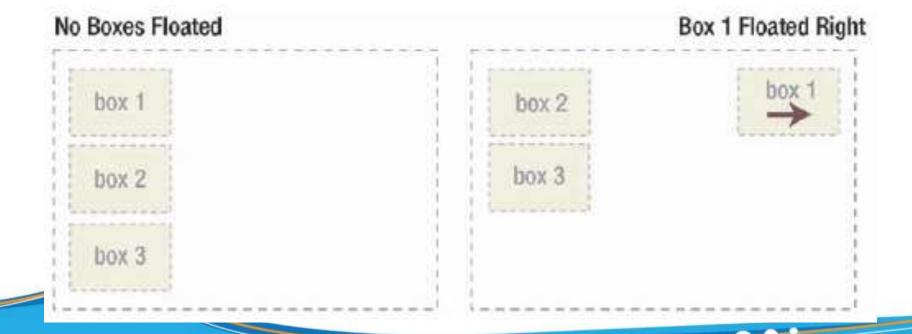




□ Cú pháp

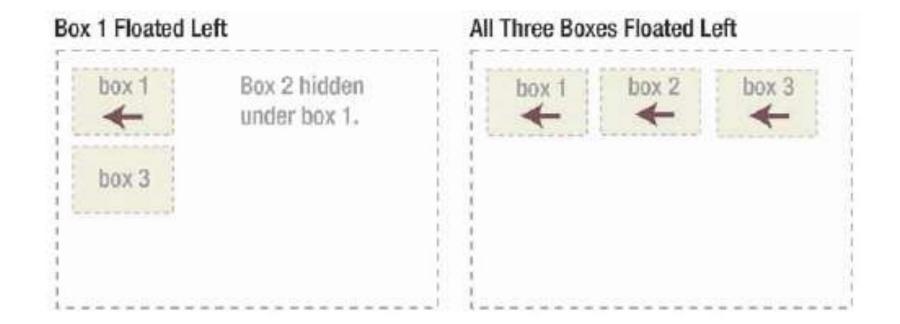
□ Ví dụ

float: left | right;



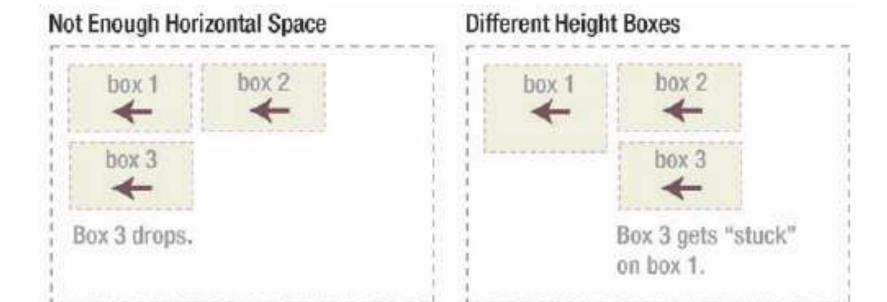






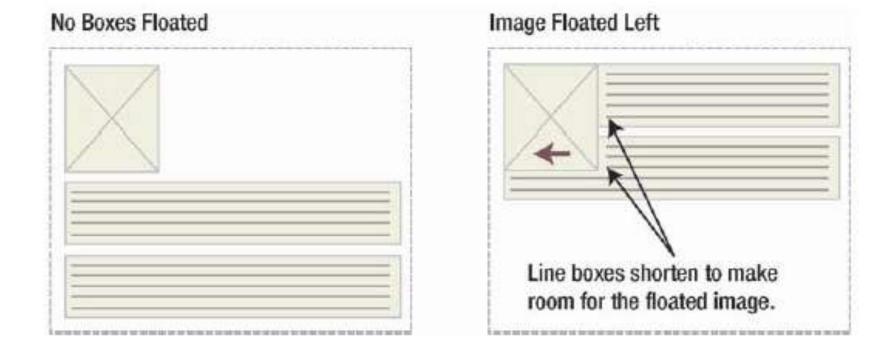














### CSS Layout – clear

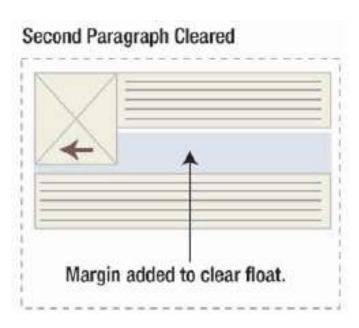


□ Cú pháp

☐ Ví dụ

```
clear: left | right | both;
```

```
.clear {
  clear: both;
}
```





## CSS Layout – overflow:auto



```
float box container box
```

```
#container {
    overflow: auto;
}
```

```
float box container box
```



# Tổng kết



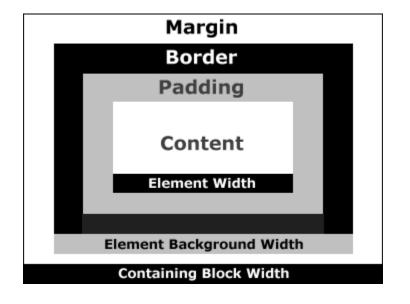
- Styling
  - Text (color, text-align, text-decoration, text-indent)
  - Font (font-size, font-family, font-style, font-weight)
  - List (list-item-style, list-item-image)
  - □ Link (a:link, a:visited, a:hover, a:active)
  - □ Table (border-spacing, border-collapse, text-align, vertical-align)



# Tổng kết (tt)



- Box Model
  - width, height
  - padding, margin
  - background-color, background-image, background-repeat
  - border-style, bordercolor, border-width





# Tổng kết (tt)



- Layout
  - □ display: block | inline | none
  - margin:auto
  - max-width, min-height
  - position: static | relative | fixed | absolute
  - ☐ float: left | right
  - clear: left | right | both
  - overflow:auto

